



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7524** /BC-UBND

Đồng Nai, ngày **01** tháng **7** năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 và đề xuất
phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tỉnh Đồng Nai đã các định cải cách hành chính là nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế xã hội. UBND tỉnh đã ban hành Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/02/2012) và bổ sung giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 29/6/2016). Đồng thời tỉnh đã ban hành các Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để triển khai cụ thể chương trình CCHC giai đoạn 2011-2020.

Công tác phổ biến, quán triệt Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về cải cách hành chính như Nghị quyết số 17/NQ-TW ngày 01/8/2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 21/02/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, được tiến hành kịp thời, đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong tỉnh. Các địa phương, đơn vị tổ chức quán triệt, xây dựng các chương trình dài hạn, kế hoạch hàng năm để thực hiện; trong hoạt động điều hành thường xuyên gắn kết việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, xác định nội dung và giải pháp thực hiện cải cách hành chính cụ thể tại đơn vị.

Công tác phổ biến, quán triệt Chương trình cải cách hành chính trong 10 năm qua được thực hiện với nhiều hình thức tuyên truyền như báo cáo chuyên đề trực tuyến, hội nghị, hội thảo, tham luận... Các cơ quan báo, đài, website của tỉnh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính phổ biến

rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân. Qua học tập, phổ biến và quán triệt Chương trình tổng thể và các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, của lãnh đạo đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính. Kết quả chuyển biến trong nhận thức được thể hiện cụ thể bằng việc tăng cường công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy được vai trò giám sát của HĐND các cấp đối với công tác cải cách hành chính; các cấp, các ngành đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể, điều chỉnh quy chế làm việc, phân công chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện Chương trình tại đơn vị, địa phương.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính

Triển khai Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, các cấp ủy, tổ chức Đảng chú trọng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính theo các nội dung, mục tiêu của Chương trình bảo đảm sự thống nhất về nhận thức, hành động của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; hàng năm, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội, trong đó có nội dung, giải pháp thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng ban hành Đề án tăng cường cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và sự hài lòng người dân, doanh nghiệp (số 576-KL/TU ngày 26/7/2018).

- Ban hành Chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 12/01/2012), trong đó, xác định các nội dung, mục tiêu, giải pháp triển khai cải cách hành chính trong từng giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020; trên cơ sở đó, tỉnh cũng đã ban hành các Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm,

- Chuẩn hóa cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại các cơ quan hành chính giai đoạn năm 2011 - 2015 (Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 và Kế hoạch số 2433/KH-UBND ngày 06/4/2015) và từ năm 2018 đến nay theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về cơ chế một cửa, một cửa liên thông thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg (Kế hoạch số 8619/KH-UBND ngày 14/8/2018, Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai).

- Triển khai rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), theo đó, tập trung xây dựng, triển khai các kế hoạch của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực

hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

- Việc bố trí nguồn lực triển khai: Nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính, tỉnh Đồng Nai tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính cấp tỉnh, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (Quyết định số 3932/QĐ-UBND ngày 12/12/2014, số 76/QĐ-BCĐ ngày 23/4/2019), các đơn vị, địa phương chủ động thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính như: huyện Nhơn Trạch, Long Thành,... định kỳ 6 tháng, hàng năm, UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết công tác cải cách hành chính, qua sơ kết, tổng kết, đã xác định những mặt làm được, những tồn tại và các giải pháp trọng tâm triển khai hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới. Hàng tháng, lãnh đạo UBND tỉnh làm việc với các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh, các sở, ngành, địa phương để giải quyết các vướng mắc trong thực hiện cải cách hành chính, nhất là rà soát, chuẩn hóa cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, tư pháp - hộ tịch, lao động thương binh và xã hội...

- Triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thông qua xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã từ năm 2013 đến nay (Các quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 11/7/2013, số 498/QĐ-UBND ngày 06/3/2015, số 1869/QĐ-UBND ngày 17/6/2019);

- Triển khai khảo sát sự hài lòng của người dân về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước được triển khai hàng năm, ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo kết quả khảo sát phản ánh đúng thực tế khách quan từ năm 2011 đến nay (Kế hoạch số 13263/KH-UBND ngày 03/12/2018, Kế hoạch số 1036/KH-UBND ngày 20/2/2020...). Kết quả khảo sát được tổng hợp, kịp thời công khai đến các đơn vị, địa phương để chấn chỉnh chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Những mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng

Các đơn vị, địa phương triển khai thí điểm nhiều mô hình mới, cách làm hay được đánh giá cao, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét, được người dân, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ như:

- Từ năm 2013, tỉnh Đồng Nai đã triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội và tại cấp huyện; trong đó bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin kiểm soát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, chuẩn hóa cơ chế một cửa, trụ sở, nhân sự bộ phận một cửa. Đến năm 2015, mô hình một cửa hiện đại được nhân rộng đến 20/20 Sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện.

- Mô hình người dân được lựa chọn nơi nộp hồ sơ, nhận kết quả giữa Trung tâm hành chính công và Bộ phận một cửa tại 11/11 UBND cấp huyện các lĩnh vực: Đất đai (đo vẽ, đăng ký thế chấp, xóa thế chấp; chuyển nhượng), y tế (6 TTHC), Tư pháp (2 TTHC về lý lịch tư pháp), Giao thông vận tải (16 TTHC, thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe thực hiện tại 11/11 cấp huyện), xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông, công thương; liên thông dữ liệu điện tử giữa cơ quan quản lý đất đai và cơ quan thuế, giữa cơ quan thuế và kho bạc để tiếp nhận, trả kết quả thủ tục về chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Trung tâm hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa hồ sơ lĩnh vực đất đai tại 11/11 UBND cấp huyện. Kết quả đã tiếp nhận hơn 36.000 hồ sơ qua mô hình “phi địa giới hành chính” tại các cấp.

- Từ năm 2016, tỉnh đã triển khai ứng dụng tích hợp thông báo kết quả giải quyết TTHC qua tin nhắn SMS vào phần mềm một cửa gửi tin nhắn SMS thông báo cho người dân biết tiến độ giải quyết hồ sơ, số tiền nghĩa vụ tài chính khi thực hiện thủ tục hành chính, qua đó đã góp phần giảm số lần đi lại cho người dân, doanh nghiệp. Năm 2017, tỉnh đã triển khai Cổng hành chính công tỉnh Đồng Nai trên ứng dụng Zalo và dịch vụ ZMS; để cung cấp nhiều tiện ích cho người dân và doanh nghiệp, như: Tra cứu tình trạng thái giải quyết hồ sơ Qua chức năng quét mã QR; cung cấp “Phiếu biên nhận hồ sơ điện tử”; gửi tin nhắn thông báo cho người dân, tra cứu lịch trình xe bus,...

- Từ năm 2018, tỉnh đã tích hợp hệ thống quan sát (camera) tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã lên UBND cấp huyện; và triển khai tích hợp hệ thống camera lên Trung tâm hành chính công tỉnh và Sở Nội vụ để giám sát việc giải quyết hồ sơ của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai hệ thống khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh và tại UBND huyện Nhơn Trạch; khảo sát sự hài lòng người dân thông qua hệ thống máy tính bảng và phân tích thời gian thực; triển khai khảo sát ý kiến người dân qua ứng dụng Cổng Hành chính công Đồng Nai trên Zalo để tự động gửi đến người dân, tổ chức lấy ý kiến sau khi người dân, tổ chức hoàn thành việc giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện khảo sát ý kiến qua Tổng đài Dịch vụ công 1022 tỉnh Đồng Nai. Công tác khảo sát được thực hiện thường xuyên; qua đó góp phần

nâng cao thái độ, trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: trên 85% đối với giai đoạn 2018 - 2020 và trên 90% giai đoạn 2021 - 2025; giảm dần tỷ lệ đánh giá không hài lòng do những khiếu xuống dưới 1,5% trong giai đoạn 2018 - 2020 và dưới 1% trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính: Tỉnh phát động thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính đến các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, trong đó tập trung khuyến khích tìm kiếm các sáng kiến, cách làm hay, triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính, tạo chuyển biến tích cực trong năm, được nhận sự phản hồi tích cực từ người dân, doanh nghiệp. Các tập thể, cá nhân có thành tích, đóng góp tích cực vào công tác cải cách hành chính của tỉnh được khen thưởng thường xuyên tại chương trình tổng kết cải cách hành chính năm hoặc khen thưởng đột xuất.

2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính theo Chương trình được triển khai quyết liệt, đồng bộ ở tất cả các cấp, các ngành:

Hàng năm, Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, trong đó có công tác cải cách hành chính tại các cấp ủy địa phương. HĐND các cấp đã quan tâm, thực hiện nhiều cuộc giám sát về cải cách hành chính nhất là kết quả cải cách thủ tục hành chính; hàng năm, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã thực hiện 3 đến 4 cuộc giám sát chuyên đề về cải cách hành chính; đối tượng chịu sự giám sát là một số sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã. Những kiến nghị qua giám sát của HĐND các cấp đã góp phần giúp cơ quan hành chính khắc phục những tồn tại, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương; từ năm 2011 đến nay, đoàn kiểm tra tỉnh đã thực hiện 46 đợt thanh tra công vụ, 157 lần kiểm tra cải cách hành chính, 72 lần kiểm tra cải cách hành chính kết hợp với kiểm tra công vụ tại các đơn vị, địa phương; đồng thời, trong năm 2018 Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh tổ chức kiểm tra tất cả sở, ngành, UBND cấp huyện; các đơn vị, địa phương thực hiện 3.166 đợt kiểm tra công vụ, kết hợp kiểm tra cải cách hành chính.

Nội dung tập trung kiểm tra công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, giải quyết TTHC trong các lĩnh vực đất đai, tư pháp, đăng ký kinh doanh, xây dựng; trọng tâm là kiểm tra ở cấp cơ sở (đã kiểm tra 170/170 UBND cấp xã). Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương cũng chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính trong nội bộ, nội dung kiểm tra tập trung vào chức trách công

vụ, giải quyết thủ tục hành chính, thái độ ứng xử của đội ngũ công chức, viên chức.

Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những trường hợp thực hiện không đúng quy định, thực hiện chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; làm rõ trách nhiệm cá nhân có liên quan, đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý, chấn chỉnh những sai sót nhằm thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương.

Thanh tra, kiểm tra về cải cách hành chính, kiểm soát TTHC	Tổng số đợt (cuộc)	Tổng số đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra (<i>số lượng tập thể, cá nhân</i>)	
Giai đoạn 2011 -2020	3.166	201	Kiểm điểm, phê bình	Xử lý kỷ luật
			2123	454

3. Thông tin, tuyên truyền

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

Công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình cải cách hành chính, các nhiệm vụ cải cách hành chính được chú trọng và triển khai đồng bộ: UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm để triển khai trên địa bàn tỉnh;

Từ năm 2015, tỉnh đầu thực hiện chuyên mục "Dân hỏi - Giám đốc Sở trả lời" trên Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai các lĩnh vực: Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Đầu tư, Thuế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải... (47 chương trình); từ năm 2019, tỉnh thực hiện chuyên mục "Cải cách hành chính và cuộc sống" để lãnh đạo UBND huyện trao đổi, giải đáp vướng mắc của người dân, doanh nghiệp (12 chương trình).

Các cấp, các ngành đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền như báo cáo chuyên đề trực tuyến, hội nghị, tham luận, phát hành đĩa CD; các cơ quan báo, Đài Phát thanh-Truyền hình, website của tỉnh xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân; nội dung thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính có chất lượng hơn và bám sát với mục tiêu, giải pháp của Chương trình, một số đơn vị chủ động đưa nội dung cải cách hành chính vào việc thực hiện Cuộc vận động học tập và làm theo

tầm gương đạo đức Hồ Chí Minh để quán triệt sâu rộng cho toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức rèn luyện, phấn đấu thực hiện.

Hàng năm, tỉnh Đồng Nai thường xuyên tổ chức cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp huyện với các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài(2 chương trình/năm), tại các cuộc đối thoại lãnh đạo UBND tỉnh, các sở ngành, địa phương nắm bắt các khó khăn, nguyện vọng của doanh nghiệp trong các lĩnh vực như: đầu tư, đất đai, xây dựng, hải quan, thuế...để kịp thời chỉ đạo điều chỉnh các quy định tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch và công bằng, cắt giảm TTHC đơn giản và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, nội dung cải cách hành chính còn được lồng ghép vào các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng nhằm nâng cao chất lượng công chức, viên chức được tổ chức thường xuyên, hằng năm.

Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp được thường xuyên đổi mới dưới nhiều hình thức, cập nhật kịp thời: các chủ trương, chính sách của tỉnh, các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh (caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn) và Cổng Hành chính công tỉnh Đồng Nai trên ứng dụng Zalo; phát hành các ấn phẩm hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ bưu chính công ích, Tổng đài dịch vụ công 1022...

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được tăng cường trong thời gian qua đã góp phần giúp cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp nhận thức được ý nghĩa, mục đích, nội dung, giải pháp của Chương trình cải cách hành chính để cùng tham gia thực hiện; đồng thời, rút ra những bài học kinh nghiệm, những cách làm hay; phân tích những mặt mạnh, những hạn chế còn tồn tại của các đơn vị; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, góp phần phát huy hiệu quả công tác cải cách hành chính.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH

1. Cải cách thể chế

a) Công tác đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật

Quy trình xây dựng, ban hành, văn bản quy phạm pháp luật đã ngày càng hoàn thiện:UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 71/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016bãi bỏ Quyết định số 36/2007/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 và Quyết định số 68/2011/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp huyện và cấp xã.

Nhằm đảm bảo điều kiện cho công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND

ngày 07/7/2017 quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 Quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật. Từ năm 2011 đến nay, HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành 851 văn bản quy phạm pháp luật (*229 Nghị quyết và 622 Quyết định*). Nội dung văn bản quy phạm pháp luật đã cụ thể hoá được các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình an ninh chính trị, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, tác động tích cực và kịp thời đối với công tác quản lý nhà nước ở địa phương;

- Về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh được triển khai chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả; đối với các văn bản ban hành có dấu hiệu không phù hợp, tỉnh đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ kịp thời. Trong giai đoạn 2011 đến nay, tỉnh đã tự kiểm tra 851 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, qua kiểm tra phát hiện 34 văn bản có nội dung chưa phù hợp với quy định pháp luật đã tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ kịp thời. Công tác kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện cũng được thực hiện nghiêm chỉnh theo đúng quy định, các văn bản ban hành không phù hợp về thẩm quyền, nội dung và hình thức theo quy định đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kịp thời.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 06/01/2014 thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong kỳ hệ thống hóa đến hết ngày 31/12/2013 (*công bố 615 văn bản còn hiệu lực thi hành; 376 văn bản hết hiệu lực toàn bộ; 76 văn bản hết hiệu lực một phần*).

Thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 – 2018, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2361/KH-UBND ngày 14/3/2018 thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp 2014-2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 công bố kết quả hệ thống

hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai kỳ 2014 - 2018 (*công bố 648 văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; 409 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ; 52 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần và 85 văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới*).

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, hàng năm Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần của HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật được Tỉnh ủy và UBND tỉnh Đồng Nai đặc biệt quan tâm, tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc theo quy định. Để tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tỉnh đã ban hành các Kế hoạch về tình hình theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hàng năm (số 8487/KH-UBND ngày 10/9/2014, số 209/KH-UBND ngày 11/01/2016, số 417/KH-UBND ngày 14/01/2019... và các công văn chỉ đạo tăng cường hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế chính sách pháp luật

- UBND tỉnh chỉ đạo, ban hành các chính sách theo đúng quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. Các chính sách sau khi ban hành được triển khai đồng bộ, thống nhất và đảm bảo tính khả thi, tính hợp hiến, hợp pháp góp phần nâng cao chất lượng đời sống an sinh, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các chính sách pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, Chiến lược xây dựng pháp luật, Chiến lược cải cách tư pháp được tăng cường, nâng cao về chất lượng và số lượng, hình thức như tuyên truyền trực tuyến, sân khấu hóa, phiên tòa giả định, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, báo, đài thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên các chuyên trang, chuyên mục, các ấn phẩm, tổ chức tập huấn hơn 50.000 buổi có trên 7 triệu lượt người tham dự. Công tác tuyên truyền đã tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật trên địa bàn tỉnh được thực hiện thường xuyên và liên tục thông qua công tác thanh tra chuyên ngành và công tác kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND tỉnh.

- Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, công tác cải cách thủ tục hành chính được tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá nhằm tạo môi trường thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân. Vì vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung tổ chức, triển khai quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính:

+ Quán triệt, thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92 /2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và các văn bản của Trung ương về chỉ đạo triển khai, thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Hàng năm, tỉnh ban hành các Kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính, truyền thông, hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành kế hoạch số 8619/KH- UBND ngày 14/8/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; trong đó tập trung vào các nhiệm vụ kiện toàn hoạt động Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa các cấp, chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh ban hành, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được tiến hành thường xuyên theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm thống kê, rà soát thủ tục hành chính, mẫu đơn, tờ khai hành chính hiện đang được áp dụng; qua đó, tiến hành thực hiện hoặc kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ, hủy bỏ theo thẩm quyền các quy định hành chính, thủ tục hành chính không còn phù hợp:

- Kết quả triển khai Đề án 30 theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan, đơn vị đã thống kê, rà soát 1.407 thủ tục hành chính, 1.083 mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, 554 yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; trong đó, có 905 thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa, đạt 64,32% (905/1.407); vượt 34,32% so với chỉ tiêu đơn giản tối thiểu 30% theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở kết quả thực hiện Đề án 30, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố 21 Bộ thủ tục hành chính (gồm: 19 Bộ thủ tục cấp sở; Bộ thủ tục chung cấp huyện, Bộ thủ tục chung cấp xã).

- Triển khai Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ, giai đoạn 2011-2015 tinh bố trí 238 công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo chế độ kiêm nhiệm tại đơn vị, địa phương; đồng thời, giao nhiệm vụ cho các đơn vị tiến hành thống kê, rà soát các thủ tục hành chính áp dụng tại các cấp chính quyền, đảm bảo sự đồng bộ, minh bạch, đơn giản của thủ tục hành chính.

- Từ sau giai đoạn Đề án 30 đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 68 Quyết định công bố lại việc sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính các cấp, trong đó: Có 532 TTHC được bãi bỏ, 1.620 TTHC được sửa đổi, 37 TTHC được thay thế và 286 TTHC được cập nhật từ các văn bản mới ban hành. Tổng số thủ tục hiện được áp dụng là: 1.144 thủ tục, trong đó, cấp sở 883 thủ tục, cấp huyện 143 thủ tục, cấp xã 118 thủ tục. Các thủ tục hành chính sau khi chuẩn hóa, đã được ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử và cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh, với 1718 thủ tục hành chính (trong đó, cấp tỉnh: 1393, cấp huyện: 246, cấp xã: 79).

- Ban hành các Quy định thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (*Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015*), Chỉ thị về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2015-2020 (*Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 04/8/2015*); ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh...

- Rà soát, ban hành quy trình phối hợp giải quyết các dịch vụ công cần thiết cho người dân như cấp sổ nhà, cung cấp thông tin quy hoạch, đo vẽ, điện nước, công chứng..., cấu hình trên phần mềm một cửa điện tử để theo dõi, đảm bảo thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân đúng hạn.

- Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019, tỉnh đã tổ chức rà soát, bố trí tiếp nhận các TTHC thuộc cơ quan ngành dọc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh: ngành Công an (có 13 TTHC) và ngành Bảo hiểm xã hội (có 9 TTHC) sẽ triển khai tại cấp tỉnh (Trung tâm hành chính công) và cấp huyện (Bộ phận một cửa); còn TTHC lĩnh vực ngành Quốc phòng (có 14 TTHC) sẽ triển khai tại Bộ phận một cửa cấp xã.

c) Công khai thủ tục hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa của các đơn vị, địa phương, trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương để công khai tới

người dân, đảm bảo thông tin tra cứu chính xác, thống nhất; đồng thời, đóng thành cuốn chuyển đến Trung tâm hành chính công tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã để triển khai thực hiện; tổ chức niêm yết, công khai tại Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các địa phương, chuyển cho Tổng đài Dịch vụ công 1022 để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp. Đến nay, 93% các TTHC đã được lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, số còn lại hiện đang rà soát gửi Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành (272 TTHC/10 Bộ ngành) để đề nghị tiếp tục chuẩn hóa TTHC làm cơ sở để cho địa phương tiếp tục công khai.

Ngoài ra, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, tỉ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, trễ hạn của 20/20 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND cấp xã được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin cải cách hành chính của tỉnh, Cổng tra cứu dịch vụ công của tỉnh; đồng thời cho phép người dân tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức qua nhiều phương tiện khác nhau, làm cơ sở để đánh giá trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính. Trung bình, tỉ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn của cấp sở đạt 92,66%, cấp huyện đạt 93,36%, cấp xã đạt 93,47%.

d) Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức

- Giai đoạn từ 2011-2016, thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ; UBND tỉnh đã ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 29/7/2014).

- Từ năm 2017, tỉnh Đồng Nai đã thành lập Tổng đài Dịch vụ công 1022 của tỉnh trên cơ sở thống nhất hơn 200 đường dây nóng các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công, dịch vụ bưu chính. Đến nay, Tổng đài đã tiếp nhận hơn 28.073 lượt liên hệ, trong đó phản ánh, kiến nghị, yêu cầu hướng dẫn TTHC (16.831 yêu cầu) và dịch vụ công, dịch vụ bưu chính của người dân, doanh nghiệp (3352 yêu cầu). 95% phản ánh, kiến nghị đã được xử lý kịp thời và báo kết quả xử lý cho người phản ánh theo quy định.

- Ngoài ra, tỉnh đã tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia do Văn phòng Chính phủ chuyển đến đảm bảo đúng quy định.

đ) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007, Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2015, ở cấp tỉnh, cơ chế một cửa liên thông được thực hiện đối với 05 thủ tục gồm: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, cấp con dấu; giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Đồng Nai; cấp giấy phép vật liệu nổ công nghiệp. Ở cấp huyện và xã, cơ chế một cửa liên thông được thực hiện trong giải quyết 26 thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân.

Riêng tại huyện Nhơn Trạch đã triển khai thí điểm liên thông giải quyết TTHC của 3 nhóm lĩnh vực (Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 16/7/2014 của UBND huyện Nhơn Trạch): Nhóm thủ tục đăng ký khai sinh, nhập khẩu, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; nhóm thủ tục khai tử, xóa đăng ký thường trú và hỗ trợ mai táng phí cho những người trên 80 tuổi; nhóm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho những người đủ 14 tuổi trở lên và thủ tục bổ sung hộ tịch xác định lại dân tộc, giới tính.

Từ tháng 6/2015, mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại được nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Trong năm 2017, tỉnh thành lập Trung tâm hành chính công trên cơ sở tổ chức lại Bộ phận một cửa của 18 sở, ngành và các cơ quan ngành dọc: Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, Cục thuế tỉnh...; Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối phần mềm một cửa với các phần mềm chuyên ngành trong giải quyết TTHC, đảm bảo việc theo dõi, kiểm tra, cung cấp các tiện ích cho người dân; thường xuyên bổ sung về nhân sự, hoàn chỉnh quy trình tiếp nhận hồ sơ, hoàn thiện phần mềm thu phí lệ phí; Trung tâm đã bổ sung các tiện ích: Bổ sung dịch vụ công điện, nước, dịch thuật; Bố trí một điểm của Ngân hàng Vietinbank để thu hộ ngân sách, hỗ trợ mở tài khoản cho doanh nghiệp; bộ phận Bưu điện để thu hộ phí, lệ phí và luân chuyển hồ sơ; Bố trí bộ phận Tư vấn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư để hỗ trợ doanh nghiệp.

Đồng thời, tỉnh đã ban hành Nghị quyết 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 về hỗ trợ người làm việc tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa, trên cơ sở khối lượng công việc, hồ sơ tiếp nhận.

- Từ năm 2017 đến nay, tỉnh tiếp tục tăng cường phối hợp giữa các cơ quan để giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan cùng cấp và giữa các cấp chính quyền, cụ thể:

+ Liên thông giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã giải quyết 26 TTHC trong lĩnh vực đất đai; giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh về lĩnh vực đăng ký kinh doanh và cấp mã số thuế (31 thủ tục); liên thông giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với Phòng Lao

động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, UBND cấp xã giải quyết 17 TTHC lĩnh vực thương binh và xã hội.

+Liên thông cùng cấp: Tại cấp huyện, liên thông 07 thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình và cá nhân; liên thông giữa Công an thành phố, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, UBND cấp xã, Công an xã trong giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, liên thông giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế tỉnh giải quyết 22 TTHC trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định nghĩa vụ tài chính; liên thông giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với Sở Tư pháp giải quyết cấp giấy phép lao động nước ngoài và cấp lý lịch tư pháp, dịch vụ dịch thuật;

+ Ngoài ra tỉnh đã tăng cường liên thông các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư - kinh doanh - lao động cho doanh nghiệp như: liên thông Ban quản lý các Khu công nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động với Sở Tư pháp cấp giấy chứng nhận đầu tư - đăng ký hoạt động doanh nghiệp -giấy phép lao động; Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm và quảng cáo sản phẩm...

+ Thực hiện đề án của Chính phủ,UBND tỉnh đã ban hành Quy định phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 20/11/2019).

Nhìn chung việc thực hiện liên thông trên tạo ra sự gắn kết của các cơ quan có liên quan khi giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu của người dân thay vì trước đây các thủ tục này được thực hiện riêng lẻ, khép kín trong từng ngành; đồng thời giảm chi phí, hạn chế việc gây phiền hà, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

e) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo rà soát, lựa chọn các thủ tục phù hợp và đẩy mạnh giải quyết dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, triển khai các giải pháp khuyến khích người dân sử dụng: Giảm thời gian xử lý đối với hồ sơ nộp trực tuyến, miễn phí phát trả kết quả tại nhà đối với hồ sơ trực tuyến; tổ chức các buổi hướng dẫn, hỗ trợ đối tượng sinh viên, công nhân thực hiện thủ tục thiết thực qua dịch vụ công trực tuyến; bố trí công chức, tình nguyện viên, nhân viên Bưu điện tại Bộ phận Một cửa hỗ trợ người dân nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh... Đến nay, 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2 thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban ngành và địa phương (trừ những thủ tục hành chính đặc thù); Cung cấp 238 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 140 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Trong năm 2019, số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công

trực tuyến đạt 67.027 hồ sơ; trong đó, một số đơn vị có tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến cao như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông Vận tải, Sở Lao động Thương binh Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp (trên 80%), Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ (trên 95%), Sở Thông tin và Truyền thông (trên 98%),...

g) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tăng cường tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ qua dịch vụ bưu chính theo Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh tiếp tục tăng cường trả kết quả giải quyết hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tại các đơn vị, địa phương; đồng thời, hoàn chỉnh cấu hình mục lựa chọn dịch vụ bưu chính vào phần mềm một cửa tại Trung tâm hành chính công tỉnh, chức năng đăng ký dịch vụ tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích qua Tổng đài dịch vụ công 1022, website cải cách hành chính của tỉnh (caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn) để người dân lựa chọn. Việc tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích được tập trung vào các lĩnh vực Xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông, công thương, lĩnh vực Tư pháp (02 TTHC), Y tế (6 TTHC), Giao thông vận tải (15 TTHC) và một số TTHC của UBND cấp huyện; theo đó, Bưu điện triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả với 03 hình thức: tại nhà, tại bưu cục và tại quầy giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Đến nay, các đơn vị, địa phương đã tiếp nhận 50.243 và chuyển trả 424.084 kết quả hồ sơ (có bao gồm bảo hiểm xã hội và giấy phép lái xe tạm giữ) đến tận nhà người dân (trụ sở tổ chức), qua đó giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy của tỉnh:

Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cơ cấu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện và số lượng cấp phó thống nhất thực hiện theo quy định. Mô hình tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trong giai đoạn 2011-2020 về cơ bản giữ ổn định: từ 20-21 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh (tăng 01 cơ quan tương đương thuộc UBND cấp tỉnh là Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học), 12-13 phòng thuộc UBND cấp huyện. Tỉnh thường xuyên điều chỉnh chức năng,

nhiệm vụ, sắp xếp, tổ chức lại chức bộ máy bên trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị cho phù hợp, khắc phục dần những chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các Sở, ngành, đơn vị, thu gọn đầu mối quản lý, góp phần làm tăng tính hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực và nhất là đẩy mạnh thực hiện theo mục tiêu, định hướng theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) đã bước đầu tinh gọn được đầu mối phòng, ban trực thuộc các sở, ban ngành; giảm số lượng đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần tập trung nguồn lực thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các quy định của Trung ương về phân cấp, phân quyền, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước bảo đảm vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

+ Thực hiện Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã và đang triển khai thực hiện theo quy định.

Nhìn chung, việc tổ chức triển khai các quy định của Trung ương liên quan đến công tác cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được quan tâm và triển khai thực hiện đúng theo quy định và thời hạn.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh:

+ Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII), tỉnh Đồng Nai đã triển khai thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các sở ban ngành và cơ quan tương đương trực thuộc UBND cấp tỉnh; do đó, số lượng cơ cấu các bộ phận bên trong của các đơn vị trong giai đoạn 2017-2020 có nhiều thay đổi, cụ thể: Giảm 39 phòng chuyên môn trực thuộc các sở ban ngành, cơ quan tương đương, 04 chi cục và 44 đầu mối bên trong của Chi cục/Ban trực thuộc các sở ban ngành.

Các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020 có sự thay đổi giảm số lượng các đơn vị sự nghiệp trên tinh thần tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối các đơn vị sự nghiệp, cụ thể:

+ Giai đoạn 2011-2015 (tăng 10 đơn vị sự nghiệp so với năm 2011, chủ yếu là sự nghiệp giáo dục và y tế): Sự nghiệp y tế có sự thành lập mới, sắp xếp, chuyển giao hệ y tế dự phòng, bệnh viện tuyến huyện và các trạm y tế cấp xã; ngoài ra, đối với sự nghiệp giáo dục có sự điều chỉnh, sắp xếp các Trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, hướng nghiệp cấp huyện huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo; chuyển các trường bán công sang công lập;...

+ Giai đoạn 2015-2017 (giảm 25 đơn vị sự nghiệp do sắp xếp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sự nghiệp y tế cấp huyện): Giảm 21 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban ngành, giảm 06 đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tăng 02 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh¹; giảm 01 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo; 11 đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; 08 đơn vị sự nghiệp y tế; 01 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

+ Giai đoạn 2017-2020 (giảm 78 đơn vị sự nghiệp do thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII): Giảm 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh², giảm 38 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban ngành, giảm 39 đơn vị sự nghiệp cấp huyện; giảm 14 đơn vị sự nghiệp Giáo dục và đào tạo; giảm 01 đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; giảm 17 đơn vị sự nghiệp y tế; giảm 02 đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ; giảm 21 đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao và giảm 23 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015, Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Đối với tinh giản biên chế công chức: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2019/QĐ-UBND về lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2021 giảm 409 biên chế tương ứng với 11,5% so với năm 2015. Đến nay, đã thực hiện cắt giảm thêm 240 biên chế công chức (Năm 2016: Giảm 64 biên chế; Năm 2017: Giảm 45 biên chế; Năm 2018: Giảm 55 biên chế; Năm 2019: Giảm 76 biên chế). Sau khi cắt giảm, tổng số biên chế công chức của tỉnh là 3.182 biên chế. Theo lộ trình của Đề án tinh giản biên chế công chức thì đến năm 2021 tỉnh vẫn đảm bảo giảm ít nhất 10% so với biên chế năm 2015 và không cao hơn số biên chế Bộ Nội vụ giao.

Đối với tinh giản biên chế viên chức, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND với lộ trình đến năm 2021 giảm biên chế tương ứng với tỷ lệ 10,24%. Đồng thời thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; tỉnh đã thực hiện cắt giảm 3.078 biên chế viên chức như sau. Sau khi cắt giảm, tổng số biên chế viên chức của tỉnh Đồng Nai là 41.442 biên chế, thấp hơn 23 biên chế so với tổng số biên chế viên chức mà Bộ Nội vụ thẩm định (41.465 biên chế).

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương.

¹ Nhà Xuất bản và Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh

² Nhà Thiểu nhi tỉnh

Việc kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong từng giai đoạn (2011-2020) cơ bản phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng Sở, ban ngành, từng bộ phận, UBND cấp huyện và có sự bố trí lại nhân sự cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới; tránh được một phần sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng; nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, địa phương góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc tại cơ quan; bước đầu đã tạo sự chuyển biến trong công tác, trong tổ chức và hoạt động của từng ngành từ tỉnh đến cơ sở.

c) Về phân cấp quản lý

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 8843/KH-UBND ngày 23/9/2016 triển khai thực hiện phân cấp trên 05 lĩnh vực theo Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo 21/21 sở, ban ngành, 11/11 UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện tại địa phương, đơn vị. Qua quá trình triển khai thực hiện, bước đầu tỉnh Đồng Nai đạt được một số kết quả như sau:

- Về quản lý ngân sách nhà nước: HĐND tỉnh đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai góp phần tạo ra sự minh bạch, bình đẳng trong việc phân bổ ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý ngân sách nhà nước.

- Về thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp: UBND tỉnh đã ban hành quy định về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước, vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Đồng thời, ban hành quy định việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh và ban hành cơ chế giám sát, kiểm soát, quản lý Quỹ lương ban kiểm soát tại doanh nghiệp.

- Về quản lý đầu tư công: UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công. Đồng thời, đang thực hiện quy trình ban hành quy định thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư, thiết kế, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngoài vốn đầu tư công; trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và an toàn lao động trong thi công xây dựng; quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng...

- Về quản lý công vụ, cán bộ công chức, viên chức: UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; đồng thời tham mưu HĐND tỉnh

Đồng Nai ban hành quy định số lượng chức danh, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và cán bộ không chuyên trách cấp xã và ấp, khu phố.

- Về quản lý đất đai: UBND tỉnh Đồng Nai đã triển khai thực hiện Văn phòng Đăng ký Đất đai một cấp nhằm thống nhất đầu mối quản lý đất đai trên địa bàn; đồng thời chấp thuận cho Sở Tài nguyên và Môi trường được ủy quyền cho Văn phòng đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp quy định tại Điều 37 Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Ngoài các nội dung phân cấp nêu trên, tỉnh Đồng Nai đã quy định phân cấp quản lý đối với quản lý Hội, các tổ chức Phi Chính phủ; phân cấp trong tổ chức, sắp xếp các cơ quan, đơn vị; phân cấp quản lý di tích văn hóa; phân cấp quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản; phân cấp thành lập các Ban Quản lý chợ;...

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

Hàng năm, UBND tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tổ chức hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Kết quả thực hiện 213 cuộc kiểm tra đối với 3 cấp. Nội dung tập trung kiểm tra công tác thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, việc thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh giao, kỷ luật kỷ cương hành chính, cải cách hành. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những trường hợp thực hiện không đúng quy định, thực hiện chưa đảm bảo yêu cầu về quy chế hoạt động của đơn vị, chưa hoàn thành hoặc chậm tiến độ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; làm rõ trách nhiệm cá nhân có liên quan, đồng thời kiến nghị biện pháp xử lý, chấn chỉnh những sai sót; đồng thời ghi nhận các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

Tỉnh tập trung rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, theo đó, mục tiêu đến năm 2020, đảm bảo giảm tối thiểu 4% đơn vị sự nghiệp công lập hiện có (tương đương 98 đơn vị lũy kế), giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (tương đương 450 biên chế), giảm mức chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước để bảo đảm hoạt động thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập tối thiểu 449 tỷ đồng so với năm 2017.

Kết quả thực hiện cơ chế khoán kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập: tỉnh có 7 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm kinh phí từ nguồn khoán kinh phí đặt

hàng theo sản phẩm đầu ra (Nhà Xuất bản; Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường, Trung tâm Kỹ thuật địa chính nhà đất, Trung tâm Tư vấn truyền thông môi trường, Trung tâm Kiểm định đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng); đến cuối năm 2018, tổng số kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên và chi chế độ tự chủ là 1.444 tỷ đồng, giảm 56 tỷ đồng so với năm 2017 (1.500 tỷ đồng).

Ngoài ra, đã thực hiện chuyển đổi mô hình cơ chế tài chính của 07 đơn vị sự nghiệp (03 đơn vị sự nghiệp y tế, 04 đơn vị sự nghiệp khác) sang tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên; thực hiện quy trình cổ phần hóa 02 đơn vị sự nghiệp.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, qua rà soát hiện trạng, đặc điểm tình hình các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, ngày 12/6/2019, UBND tỉnh Đồng Nai đã báo cáo Bộ Nội vụ; theo đó, tỉnh Đồng Nai không có đơn vị hành chính thuộc đối tượng sắp xếp theo quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW (không đảm bảo 02 tiêu chí). Tuy nhiên, Tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 292-KH/TU ngày 16/8/2019 chỉ đạo chỉ đạo các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng phương án thực hiện sắp xếp các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2021 trở đi. Riêng đối với việc sắp xếp ấp, khu phố, tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, sáp nhập, thành lập ấp, khu phố thuộc huyện Định Quán, Thống Nhất và thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh); theo đó: Giảm số lượng ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh từ 964 xuống còn 945 (giảm 19 ấp, khu phố).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW được triển khai, thực hiện theo quy định. Đã có 21/21 sở, ban, ngành, 08 đơn vị sự nghiệp công lập đã xây dựng đề án vị trí việc làm theo Kế hoạch số 2900/KH-UBND, Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, đảm bảo cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, trình độ đào tạo và yêu cầu nhiệm vụ.

Các cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của tỉnh đảm bảo đội ngũ công chức viên chức đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, chức danh, cụ thể:

+ Về trình độ chuyên môn: So với năm 2016, trình độ chuyên môn của được cải thiện rõ rệt, có 557 cán bộ, công chức có trình độ sau đại học (tiền sĩ,

thạc sĩ) chiếm tỷ lệ 18.74% (tăng 178 cán bộ, công chức chiếm tỷ lệ 46.97% so với năm 2016), trình độ chuyên môn thấp hơn đại học giảm mạnh (cao đẳng, trung cấp, còn lại). Đối với trình độ còn lại, chủ yếu là công chức được tuyển dụng trước năm 1993 giữ vị trí lái xe, nhân viên kỹ thuật tại các cơ quan, đơn vị. Qua đó, đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, chức danh theo vị trí việc làm của tỉnh.

+ Về trình độ chính trị: 1.947 cán bộ công chức có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 65.51% (tăng 10 công chức trình độ chính trị cao cấp chiếm tỷ lệ 1.27% và 390 công chức trình độ chính trị trung cấp chiếm tỷ lệ 51.45%).

-UBND tỉnh đã phân cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, cấp huyện (Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012); sau khi UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quản lý, các đơn vị, địa phương thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền ngày càng đi vào nề nếp, phù hợp với thực tiễn, giải quyết kịp thời và hiệu quả hơn.

+ Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được tổ chức công khai, minh bạch và theo quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, việc tuyển dụng công chức, viên chức phải căn cứ trên vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị (trình độ chuyên môn, chuyên ngành), tiêu chuẩn ngạch công chức (trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học). Trong giai đoạn 2012 - 2020, đã tuyển dụng được 1.384 công chức cho các cơ quan hành chính (thi tuyển 1129 trường hợp, tiếp nhận đặc biệt không qua thi tuyển 255 trường hợp)

+ Thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã tổ chức thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo đối với cấp phòng trong năm 2013 và 2014 (Kế hoạch số 6860/KH-UBND của UBND tỉnh). Tuy nhiên, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 202-TB/TW ngày 26/5/2015 về Đề án “Thí điểm đổi mới các tuyển chọn lãnh đạo quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng” và Công văn số 2424/BNV-CCVC ngày 09/5/2017 của Bộ Nội vụ; UBND tỉnh Đồng Nai đã tạm ngưng không thực hiện thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trong những năm tiếp theo.

+ Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm: Hàng năm UBND tỉnh Đồng Nai đều chỉ đạo Sở Nội vụ, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu hướng dẫn việc đánh giá và xếp loại cán bộ, công chức, viên chức theo quy định trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ. Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đều được tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo đúng thời gian quy định. Đồng thời kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm cũng làm cơ sở phân loại công chức, viên chức để đánh giá mức thành hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Tinh kịp thời, chủ động triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nghị định 101/2027/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, bám sát nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng được các Bộ ngành ban hành; nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhìn chung được cập nhật, bổ sung, đổi mới theo hướng gắn lý luận vào thực tiễn công việc; giảm những nội dung kiến thức chung, tăng cường bồi dưỡng các kỹ năng, trao đổi kinh nghiệm, xử lý tình huống; tăng cường bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm. Qua đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4493/KH-UBND ngày 02/6/2016 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch hàng năm, trong đó, giao các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm bồi dưỡng đạo đức công vụ, văn hóa công Sở cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đơn vị mình quản lý. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cơ bản đạt kế hoạch đề ra với trên 66.764 lượt cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, ngày 27/6/2019, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 7293/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án Văn hóa công sở.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nội dung về văn hóa công vụ tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị mình nhằm nâng cao nhận thức về tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức lối sống, trang phục phù hợp với công việc, trang phục của ngành và thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

Để thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ lĩnh vực quản lý phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục để đưa tin, bài, khẩu hiệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến trên báo, đài, trang thông tin điện tử các nội dung, quy định liên quan kỷ luật, kỷ cương hành chính, công khai số điện thoại đường dây nóng; đồng thời, đề nghị Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát, tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phê phán trước công luận những hành vi vi phạm liên quan của cán bộ, công chức, viên

chức. Ngoài ra, tỉnh còn lồng ghép chương trình bồi dưỡng đạo đức công vụ, văn hóa công sở vào chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng đạo đức công vụ, văn hóa ứng xử và kỹ năng giao tiếp theo kế hoạch hàng năm

b) Về công chức cấp xã

- Đối với cán bộ chuyên trách: Tổng số cán bộ chuyên trách là 1.749 người, trong đó, đạt trình độ trung cấp trở lên là 1.737 người, chiếm tỷ lệ 99.31%, tăng 7.34% so với 2016; số cán bộ có trình độ trung cấp lý luận chính trị là 1.687 người, chiếm tỷ lệ 96.45 %.

- Đối với công chức: Tổng số công chức là 1.877 người, trong đó đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 1.877, đạt tỷ lệ 100% tổng số công chức; số công chức có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên là 1.756 người, chiếm tỷ lệ 93,55%, tăng 6,4% so với năm 2016 (87,19%).

5. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Cục Thuế, Hải Quan tập trung triển khai các chính sách về thuế đến các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân:

- Tuyên truyền đưa tin các bài, chính sách thuế liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế để chủ động kịp thời nắm bắt thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử, thông qua hội nghị tập huấn và đối thoại với người nộp thuế...

- Việc thực hiện triển khai, hướng dẫn chính sách, quy định về thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội đã được thực hiện đầy đủ, đồng bộ đến các đơn vị, địa phương theo quy định. Các chính sách, chế độ do địa phương ban hành đều tăng mức, chuẩn phản ánh nhu cầu, thực tế tại địa phương so với mặt bằng chung cả nước như: Tăng mức khoán chi quản lý hành chính, tăng chuẩn nghèo, cận nghèo, tăng mức chuẩn trợ cấp xã hội, chế độ dân quân, công an xã, cán bộ không chuyên trách,....

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước

Trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh đã đẩy mạnh chuyển đổi cơ chế tài chính các doanh nghiệp nhà nước; kết quả đã hoàn thành cổ phần hóa 8 doanh nghiệp³,

³Công ty TNHH MTV Xây dựng và sản xuất VLXD Biên Hòa, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường đô thị, Công ty Chế biến XNK Nông sản thực phẩm (công ty mẹ), Công ty TNHH MTV Cao su công nghiệp; Công ty Chế biến XNK-NSTP Đồng Nai; Tổng công ty Phát triển khu công nghiệp (công ty mẹ); Công ty TNHH MTV Dịch vụ môi trường đô thị Đồng Nai.

sáp nhập 02 đơn vị⁴; giải thể 04 doanh nghiệp⁵, chuyển thành Công ty TNHH 02 thành viên đối với 01 doanh nghiệp⁶; hoàn thành việc bán Nhà máy chế biến thực phẩm Đồng Nai – Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty; thực hiện thoái vốn nhà nước tại 35 doanh nghiệp⁷

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 quy định định mức trong xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện trong phạm vi tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2011-2018. Từ tháng 01/2019, UBND tỉnh ban hành và triển khai Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh

Đối với mỗi giai đoạn, HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh, đảm bảo hoạt động hiệu quả cho các địa phương, đơn vị (Giai đoạn 2011-2013, Nghị quyết số 191/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010; Giai đoạn 2014-2015, Nghị quyết số 97/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013; Năm 2016: Nghị quyết số 182/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015; Giai đoạn 2017-2020: Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016).

đ) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 30/09/2013 về miễn giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa, Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 phê duyệt Đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội giai đoạn 2015-2020.

Kết quả, số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động giai đoạn 2011 đến nay là 108 dự án với

⁴, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai: Công ty cổ phần Giống cây trồng Đồng Nai (nay là Công ty Nông nghiệp Đồng Nai), Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Biên Hòa (nay là Công ty xuất nhập khẩu Biên Hòa)

⁵Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ nông nghiệp Cẩm Mỹ (đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty CNTP Đồng Nai); Công ty CP truyền dẫn Phát sóng Phương Nam, Công ty CP Phát triển đô thị Tam Phước năm 2017, Công ty CP Liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark) năm 2018

⁶Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi.

⁷Công ty cổ phần Bến xe & Dịch vụ Vận tải Đồng Nai, Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đồng Nai, Công ty CP Điện cơ Đồng Nai, Công ty CP Amata, Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Đồng Nai, Công ty CP Cơ khí Đồng Nai, Công ty CP KCN Định Quán, Công ty CP Sơn Đồng Nai

tổng kinh phí đầu tư khoảng 12.062 tỷ đồng và khoảng 4.908.956 m² đất được cho thuê⁸

e) Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng (nếu có).

Căn cứ Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Văn bản số 9343/UBND-CNN ngày 04/9/2018 về việc triển khai nhiệm vụ của các sở ngành trên địa bàn tỉnh khi thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Đến nay, tỉnh có 6 dự án triển khai theo hình thức PPP, bao gồm: Dự án tuyến đường kết nối vào cảng Phước An theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BOT, Dự án đầu tư Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại xã Phước Tân, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa theo hình thức đầu tư Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Dự án Xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc Thành Phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức hợp đồng Xây dựng - kinh doanh- chuyển giao (BOT), Dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K, thành phố Biên Hòa, theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), Dự án đầu tư xây dựng đường Phước Bình, đoạn từ Quốc lộ 51 đến KCN Phước Bình theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT, Dự án BOT đường 768.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

UBND tỉnh Đồng Nai khoán chi phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 09/12/2016 ban hành quy định về mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017, giai đoạn 2017 - 2020. Theo các quy định trên, các cơ quan đơn vị được khoán chi hoạt động với mức chi từ 45 triệu đồng/biên chế - 55 triệu đồng/biên chế.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

Đến tháng 3/2020, số đơn vị sự nghiệp tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP là 81/888 đơn vị⁹, số đơn vị được giao quyền tự chủ theo Nghị

⁸ Dự án ngoài công lập là 103 dự án với tổng kinh phí đầu tư khoảng 3.811 tỷ đồng; Dự án có vốn đầu tư nước ngoài là 02 dự án với tổng kinh phí đầu tư khoảng 6.543 tỷ đồng; Dự án đầu tư theo hình thức liên doanh, liên kết giữa đơn vị sự nghiệp công lập và đơn vị có vốn ngoài ngân sách là 03 dự án với tổng kinh phí đầu tư khoảng 1.708 tỷ đồng

⁹ Tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 1 đơn vị; Tự bảo đảm chi thường xuyên: 47 đơn vị; Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 16 đơn vị; Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 17 đơn vị

định số 54/2016/NĐ-CP là 3 đơn vị¹⁰, số đơn vị được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP là 804 đơn vị¹¹.

- Để triển khai hiệu quả việc xã hội hóa các dịch vụ công, 14/20 đơn vị đã ban hành quyết định quy định mức kinh tế kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp như: sự nghiệp Công Thương (Quyết định số 3676/QĐ-UBND ngày 04/11/2016); sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018), sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (676/QĐ-UBND ngày 02/3/2018)... trong đó có 2 lĩnh vực áp dụng giá dịch vụ sự nghiệp công là lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018), lĩnh vực Y tế (Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 26/7/2017).

6. Về hiện đại hóa hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, tỉnh đã ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai phiên bản 1.0 (Quyết định số 4696/QĐ-UBND ngày 30/12/2016), Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 về kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai, Chương trình số 70/CTr-BCĐCQĐT ngày 16/4/2020 về Chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai năm 2020; các Kế hoạch về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 (Kế hoạch số 3899/KH-UBND ngày 10/6/2011, số 6493/KH-UBND ngày 27/07/2016, số 6289/KH-UBND ngày 04/6/2019); kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị

+ Hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data center giai đoạn 1) tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích tập trung hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước để dễ dàng quản lý, khai thác sử dụng 24/7, hạn chế tối đa việc mất an toàn thông tin và dữ liệu. Đồng thời, đang khẩn trương thực hiện Dự án “Xây dựng Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2”, để kịp thời bổ sung nhu cầu tài nguyên hệ thống cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai.

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng đã được triển khai kết nối từ tỉnh đến 100% UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa, tất cả các phòng

¹⁰Tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 0 đơn vị; tự bảo đảm chi thường xuyên: 2 đơn vị; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 1 đơn vị

¹¹Tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 0 đơn vị; Tự bảo đảm chi thường xuyên: 6 đơn vị; Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 245 đơn vị; Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 553 đơn vị.

ban chuyên môn cấp huyện. Triển khai đường truyền Mega Wan và Metro Net với băng thông 02 Mbps để kết nối vào hệ thống một cửa điện tử của tỉnh cho 169/170 UBND cấp xã sử dụng (UBND xã Đắk Lua thuộc huyện Tân Phú sử dụng đường truyền internet do Viễn thông tỉnh Lâm Đồng cung cấp).

+ Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh gồm có 46 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

+ Hoàn thành triển khai lắp đặt đồng bộ hệ thống camera giám sát và tích hợp toàn bộ hệ thống camera giám sát tại 182 bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh vào hệ thống giám sát camera tập trung của tỉnh nhằm phục vụ công tác theo dõi giám sát việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Triển khai Dự án đảm bảo An toàn thông tin cho 21 đơn vị sở, ngành, nhằm tăng cường đảm bảo giám sát, phòng, chống tấn công mạng, mã độc; đồng thời thực hiện đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ về đảm bảo an toàn thông tin, có khả năng tự khắc phục được các sự cố tại đơn vị. Triển khai Kế hoạch sao lưu và khôi phục dữ liệu tức thời đối với các Hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2018 - 2020.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước:

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc được triển khai tại 100% cơ quan hành chính 3 cấp. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước đạt 85%, đến năm 2020 hầu hết các đơn vị đã tham gia ứng dụng chữ ký số và đăng ký danh mục các văn bản gửi nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử; 90% công chức, viên chức các đơn vị, địa phương (gồm lãnh đạo, quản lý) tham gia sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành để xử lý công việc.

+ Thực hiện cung cấp hộp thư điện tử công vụ cho 100% cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành và địa phương, 4.613 chữ ký số cho lãnh đạo cấp sở, cấp huyện, cấp phòng. Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng): đạt 100%.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:

+ Hoàn thành xây dựng và triển khai vận hành Cổng Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tập trung tỉnh Đồng Nai. Trong đó, 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2 thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban ngành và địa phương (trừ những thủ tục hành chính đặc thù); Cung cấp 238 DVCTT mức độ 3 và 140 DVCTT mức độ 4.

+ Phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai và phần mềm Một cửa điện tử tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hoàn thành kết nối thủ tục khuyến mại, thủ tục cấp phép lý lịch tư pháp; thủ tục đổi giấy phép lái xe, thủ tục đăng ký

khai sinh cho 170 UBND cấp xã; Hoàn thành đồng bộ CSDL quốc gia về thủ tục hành chính từ Cổng dịch vụ công quốc gia về Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Phần mềm một cửa điện tử tỉnh. Thực hiện đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính từ phần mềm Một cửa điện tử tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tỉnh đã triển khai đồng bộ phần mềm một cửa điện tử eGov cấp tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, 11/11 UBND cấp huyện và 170/170 UBND cấp xã. Việc áp dụng mô hình một cửa điện tử đã tạo hiệu quả rõ nét trong việc giải quyết hồ sơ TTHC.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Đến nay, có 32 đơn vị gồm các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa đang áp dụng và duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Các cơ quan áp dụng HTQLCL đã chủ động trong việc tích hợp việc thực hiện các quy trình xử lý thủ tục hành chính với hệ thống phần mềm Egov từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu trả kết quả cho tổ chức, công dân trong quá trình xử lý công việc theo chức năng và nhiệm vụ của đơn vị. Về cơ bản, việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 của các Sở, ban, ngành đã đạt yêu cầu 100% thuộc đối tượng phải xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ KH&CN về lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại Văn bản số 419/BKH&CN-TĐC ngày 21/02/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 13383/KH-UBND ngày 19/11/2019 về thực hiện xây dựng và chuyển đổi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019-2020,

- Định kỳ hằng năm, tỉnh kiểm tra việc áp dụng HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 26/2014/TT-BKH&CN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, làm cơ sở để các đơn vị cải tiến cho các hoạt động hành chính.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Mặt tích cực đạt được

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương trong giai đoạn 2011-2020 được chú trọng, đã có những chuyển biến

tích cực qua từng năm; các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính theo các nội dung, mục tiêu, biện pháp của Chương trình cải cách hành chính; người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã phát huy vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo, lãnh đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra, cũng như thể hiện vai trò gương mẫu trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh được Bộ Nội vụ đánh giá khá cao thông qua việc xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016, xếp thứ 4/63, năm 2017 xếp hạng thứ 03/63; năm 2018 xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố.

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng để hoàn thiện cơ chế, chính sách, các biện pháp quản lý điều hành trên các lĩnh vực. Nhìn chung, các văn bản được xây dựng và ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương, phát huy được hiệu lực quản lý nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho sản xuất, kinh doanh của tổ chức và cá nhân.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm được các cấp, các ngành tập trung thực hiện quyết liệt và đạt được những kết quả cơ bản: Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, các Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa, nhiều thủ tục hành chính được điều chỉnh, bổ sung, thời gian giải quyết nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn; thủ tục hành chính được công khai tại Bộ phận Một cửa, trên trang thông tin điện tử của tỉnh và của đơn vị. Trung tâm hành chính công, Bộ phận Một cửa các địa phương được kiện toàn, chuẩn hóa; cơ chế một cửa liên thông được triển khai mạnh mẽ, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

- Công tác sắp xếp lại bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, hoạt động có hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan được xác định rõ ràng, khắc phục cơ bản tình trạng chồng chéo. Việc phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền và cơ quan hành chính nhà nước được đẩy mạnh, tăng cường trách nhiệm, phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi cơ quan, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được chú trọng thực hiện, năng lực, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức được nâng cao một bước; công tác tuyển dụng công chức tiếp tục được cải tiến với phương pháp thi tuyển 2/3 môn thi trên máy vi tính góp phần đảm bảo kết quả khách quan; công tác đào tạo, bồi dưỡng cơ bản đạt kế hoạch đề ra với trên 66.764 lượt cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; công tác sát hạch định kỳ năng lực công chức cấp xã bước đầu được triển khai và đem lại hiệu quả. Việc thực hiện chế độ,

chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức như nâng bậc lương, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc cơ bản được đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Cơ chế khoán kinh phí và biên chế quản lý hành chính đã được thực hiện mạnh mẽ, rộng khắp tại tất cả các đơn vị, địa phương trong tỉnh; góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; tạo điều kiện tăng cường cơ sở vật chất, tăng thêm thu nhập cho cán bộ công chức; việc chuyển đổi từ phí sang giá dịch vụ sự nghiệp công (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo) bước đầu đã tác dụng tích cực góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến tích cực: phần mềm một cửa Egov được sử dụng đồng bộ nâng cao hiệu quả công tác giải quyết TTHC; các cơ quan hành chính nhà nước ở cấp tỉnh, huyện, xã đẩy mạnh trao đổi văn bản điện tử qua trực liên thông, giảm các văn bản, giấy tờ không cần thiết; đạt 100% các đơn vị sử dụng chứng thư số trong xác thực văn bản điện tử;

- Công tác thanh tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính được các cấp các ngành triển khai quyết liệt. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính, đối thoại với người dân, doanh nghiệp được chú trọng thực hiện với nhiều nội dung và hình thức phong phú.

- Việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp được chú trọng triển khai, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả thu thập và khai thác nội dung ý kiến đánh giá của người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) Về tồn tại hạn chế:

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, kết quả thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 vẫn còn một số tồn tại sau:

- *Đối với Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành:* Một số đơn vị, địa phương còn chưa quyết liệt; lãnh đạo một số đơn vị chưa thực hiện hết trách nhiệm của người đứng đầu, vẫn còn tình trạng "giao khoán" cho cấp phó trong chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính, nhất là tại một số UBND cấp xã. Công tác phối hợp triển khai một số nhiệm vụ cải cách hành chính của các thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính còn chưa thông suốt, hiệu quả, một số vướng mắc, kiến nghị của đơn vị, địa phương chưa được xử lý kịp thời, gây ảnh hưởng nhất định đến kết quả cải cách hành chính chung của tỉnh.

- *Đối với lĩnh vực cải cách thể chế:*

+ Việc lấy ý kiến người dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh chưa hiệu quả.

+ Việc chỉ đạo trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản kịp thời nhưng kết quả phản hồi chưa đúng thời gian quy định, dẫn đến sự chậm trễ trong việc xử lý văn bản trái pháp luật hoặc có nội dung chưa phù hợp theo quy định pháp luật.

- *Đối với lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính*

+ Việc phối hợp đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định yêu cầu, điều kiện liên quan đến thủ tục hành chính còn nhiều lúng túng, chưa thật sự hiệu quả.

+ Bộ thủ tục hành chính chưa được chuẩn hoá, cấu hình kịp thời, ảnh hưởng đến giải quyết công việc theo yêu cầu của người dân; việc công khai thủ tục hành chính, tính minh bạch của thủ tục hành chính được chú trọng thực hiện nghiêm, nhưng ở một số cơ quan, đơn vị, người dân vẫn phải đi lại nhiều lần. Một số đơn vị, địa phương triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông chất lượng chưa tốt, việc giải quyết hồ sơ còn phức tạp, thời gian kéo dài, chưa thật sự thuận lợi cho người dân.

+ Việc kết nối phần mềm một cửa với các phần mềm chuyên ngành khác như đất đai, tư pháp, xây dựng, đăng ký kinh doanh, chưa được hoàn chỉnh ảnh hưởng đến việc phối hợp giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp; đường truyền dữ liệu tại một số đơn vị còn chưa ổn định đã ảnh hưởng đến công tác tiếp nhận, luân chuyển và giải quyết hồ sơ.

+ Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, công chức còn chưa cao, hạn chế về kỹ năng nghiệp vụ, phong cách giao tiếp, còn phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, nhất là công chức tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính. Tồn tại trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn.

+ Một số giải pháp cải cách hành chính như liên thông điện tử đất đai - thuế nhằm triển khai mô hình phi địa giới hành chính chưa được triển khai triệt để do còn vướng mắc các quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ điện tử liên thông giữa cơ quan đất đai và cơ quan thuế của Bộ ngành Trung ương, các quy định pháp lý về thông báo thuế điện tử và thanh toán điện tử.

+ Việc triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức “4 tại chỗ” chưa có sự hướng dẫn cụ thể từ Trung ương để địa phương có thể xây dựng hướng dẫn triển khai thống nhất tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP quy định về việc tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo hình thức “4 tại chỗ” phải đạt tối thiểu 50% tại cấp huyện và 100% tại cấp xã là chưa khả thi do các thủ tục hành chính có hồ sơ phát sinh nhiều (như đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh...) cần thời gian thẩm định, xem xét giải quyết tại các phòng chuyên môn hoặc liên thông, phối hợp các cấp, các ngành.

- *Đối với lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức:*

+ Hệ thống quy định pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện và bổ nhiệm ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, chế độ, mức lương của hợp đồng lao động... chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời để triển khai thực hiện đồng bộ.

+ Việc tinh giản biên chế đối với các cơ quan, đơn vị được giao định mức như sự nghiệp giáo dục, y tế, lao động - thương binh và xã hội còn khó khăn khi chưa có các cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp giáo dục để giảm gánh nặng ngân sách.

+ Quy định về thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp còn nhiều vướng mắc, điều kiện để nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức còn chưa phù hợp, dẫn đến khó khăn trong việc cử công chức, viên chức tham gia dự thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- *Đối với lĩnh vực cải cách tài chính công:*

+ Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp còn chậm so với kế hoạch do vướng mắc trong triển khai các quy định, chính sách của Trung ương liên quan đến cổ phần hóa (định giá tài sản, xác định tiền thuê đất hằng năm...)

+ Còn một số đơn vị chưa thực sự chủ động trong quản lý tài chính, ngân sách, chưa tự điều chỉnh, sắp xếp cho phù hợp khi có nhiệm vụ mới phát sinh, còn mang tính ỷ lại trông chờ vào ngân sách. Chưa xây dựng được định mức khoán chi sử dụng điện, nước và đang thực hiện thanh toán theo thực tế.

+ Việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công của một số lĩnh vực (y tế, giáo dục...) còn chậm.

- *Đối với lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính*

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính còn chậm, chưa đồng bộ. Một số chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của một số ngành mang tính cục bộ, thiếu liên kết với các ngành, địa phương khác, vì vậy chưa phát huy hết hiệu quả.

+ Việc cung cấp thủ tục trực tuyến nhiều nhưng tỉ lệ phát sinh hồ sơ chưa cao, công thanh toán trực tuyến của tỉnh chưa được đưa vào vận hành

b) Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan*

Cải cách hành chính là công việc khó khăn, phức tạp có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp; tuy nhiên có những lĩnh vực còn thiếu sự đồng bộ trong triển khai thực hiện từ Trung ương đến địa phương. Mặt khác, một số quy định của Trung ương về quản lý hành chính ban hành còn chậm, cụ thể như: Việc cập nhật, ban hành sửa đổi thủ tục hành chính của Bộ, ngành Trung

ương còn chậm, gây khó khăn trong việc rà soát, cập nhật sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính của tỉnh; một số văn bản QPPL như thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung cụ thể có liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi; một số văn bản pháp luật của Trung ương chưa thống nhất trong cách hiểu để áp dụng trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, cụ thể như ở lĩnh vực đất đai, tài nguyên, xây dựng.

Việc kết nối dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ về Cổng thông tin điện tử của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn; nội dung dữ liệu kết nối từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, chưa thể hiện rõ mục tiêu quản lý, theo dõi tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Phần mềm của tỉnh.

- Nguyên nhân chủ quan

Một số nơi, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền chưa thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ đặt ra, nên việc tổ chức thực hiện còn hạn chế, thiếu các giải pháp cụ thể để triển khai, đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Các đơn vị, địa phương có lúc chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm trong tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; sự phối hợp còn mang tính hình thức nên ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức về nhiệm vụ cải cách hành chính thủ tục hành chính trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội; có nơi, có lúc còn ngần ngại, chưa quyết tâm thực hiện và chủ động trau dồi, phát huy được hết trách nhiệm, vai trò trong công tác tham mưu thực hiện cải cách hành chính,

Hầu hết cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị, địa phương làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên có sự thay đổi vị trí, dẫn đến nhiều cán bộ có kinh nghiệm phải chuyển sang công tác khác, nên việc kiểm tra, đôn đốc còn nhiều hạn chế (*nhất là cấp huyện, cấp xã*).

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị phải được tiến hành một cách đồng bộ, liên tục, lâu dài và toàn diện; vì vậy để tạo được chuyển biến về nhận thức đầy đủ, sự thống nhất và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác này, trọng tâm là phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng với sự tổ chức, điều hành của chính quyền, sự giám sát của HĐND và tham gia tuyên truyền, vận động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đội ngũ cán bộ, công chức là nhân tố quyết định đến sự thành công của công tác cải cách hành chính, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp

ủy, chính quyền. Đòi hỏi cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy phục vụ nhân dân, nhất là phát huy vai trò gương mẫu trong thực thi công vụ của cá nhân các đồng chí đứng đầu đơn vị. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, công chức cần được thường xuyên rèn luyện, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính ngày càng cao.

Cần huy động sự tham gia rộng rãi của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân tham gia thực hiện cải cách hành chính; vì vậy cần tăng cường thực hiện tuyên truyền, giáo dục nhận thức về cải cách hành chính trong hệ thống chính trị và xã hội, để nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức; đồng thời tạo điều kiện cho người dân thể hiện tốt vai trò giám sát đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ nền hành chính. Vì vậy, đòi hỏi phải có nguồn lực để đầu tư, trước hết là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức và công khai minh bạch các chính sách, quy định hành chính có liên quan đến nhân dân.

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, xử lý nghiêm minh các hành vi sai phạm, kịp thời khen thưởng, động viên đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phục vụ người dân, doanh nghiệp và xã hội.

2. Mục tiêu trọng tâm

Trọng tâm cải cách hành chính của giai đoạn 2021-2030 là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là hiệu quả giải quyết TTHC; nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

3. Giải pháp thực hiện

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 -2025 cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

a) Phát huy trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, khắc phục tình trạng giao khoán cho cấp phó người đứng đầu, giao khoán việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính cho công chức tham mưu giúp việc. Cấp ủy các đơn vị, địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra việc triển khai cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc. HĐND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể các cấp, nhất là ở cấp cơ sở phát huy vai trò giám sát, phản biện, tham gia đóng góp ý kiến, đôn đốc việc thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính để giải quyết hiệu quả mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước với nhau, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, công chức trong phối hợp xử lý các nhiệm vụ chung; khắc phục tình trạng không rõ ràng, đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị, địa phương.

c) Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất theo đúng quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện những nội dung sai trái hoặc không còn phù hợp để kịp thời đình chỉ việc thi hành và thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên sửa đổi, bổ sung, thay thế. Công tác xử lý văn bản trái pháp luật phải được thực hiện một cách nghiêm túc, cầu thị, kịp thời và minh bạch. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền; kịp thời tham mưu xử lý văn bản quy phạm pháp luật, tập trung xử lý triệt để các văn bản trái pháp luật đã được phát hiện. Phê bình, xử lý nghiêm đối với cơ quan, cá nhân trực tiếp tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật không kịp thời.

d) Triển khai hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: tiếp tục chuẩn hóa cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trong đó, tập trung kiện toàn hoạt động Trung tâm hành chính công tỉnh, kiện toàn Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hoá hồ sơ thủ tục hành chính.

- Cập nhật, ban hành kịp thời Bộ thủ tục hành chính các ngành, các cấp, công khai đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia; ban hành quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cấu hình trên phần mềm Một cửa điện tử Egov, xây dựng và triển khai danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận - thẩm định - phê duyệt - trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp

huyện, xã (4 tại chỗ); rà soát, xây dựng danh mục thủ tục hành chính cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến phù hợp.

- Thực hiện thường xuyên công tác rà soát thủ tục hành chính, kịp thời phát hiện các vướng mắc và đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

đ) Tiếp tục tập trung triển khai các đề án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách chế độ công chức, công vụ theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); trong đó, triển khai các giải pháp cụ thể, quyết liệt để nâng cao trách nhiệm công vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nhất là đội ngũ công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; hoàn thiện đề án xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt; triển khai chính thức sát hạch năng lực công chức cấp xã qua phần mềm.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ các lĩnh vực cải cách hành chính: xây dựng, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, công nghệ thông tin.... Có cơ chế, chính sách khuyến khích, động viên nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, công chức trong nghiên cứu, tham mưu những cách làm mới, cải thiện chất lượng công việc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mang lại những thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

e) Nâng cấp Khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai lên phiên bản 2.0 phù hợp với Khung Kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam. Trên cơ sở đó, hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Đồng Nai, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Triển khai thực hiện và đưa vào vận hành Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2 trên nền tảng thực hiện Kế hoạch thuê dịch vụ Công nghệ thông tin, nâng cao năng lực phục vụ cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2019 - 2021, đảm bảo hệ thống hạ tầng CNTT đáp ứng các mục tiêu phát triển chính quyền điện tử của tỉnh,

- Triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; thường xuyên cập nhật, hiệu chỉnh kịp thời cấu hình các quy trình thủ tục hành chính mới được ban hành; nâng cấp, mở rộng, bổ sung các chức năng, tính năng mới đáp ứng với nhu cầu thực tiễn trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; hoàn thiện kết nối Trục liên thông quốc gia, hoàn thiện việc kết nối các ứng dụng, cơ

sở dữ liệu và xây dựng hệ thống quản lý thông tin kết nối; tăng cường sử dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử.

g) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Cổng dịch vụ công của tỉnh, kết nối thông suốt Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, thực hiện số hóa hồ sơ TTHC, tài liệu giấy liên quan đến hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, triển khai hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện các giải pháp cụ thể khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chuyển đổi toàn diện phương thức xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, phấn đấu đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử trong giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến năm 2025.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong thời gian tới, UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo cải cách hành chính Trung ương chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Các Bộ ngành

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật chuyên ngành, điều chỉnh kịp thời làm căn cứ cho các đơn vị, địa phương thực hiện; cập nhật sửa đổi, bổ sung đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính, văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính mới được ban hành hoặc bị sửa đổi, thay thế hoặc bị hủy bỏ, bãi bỏ vào Bộ thủ tục hành chính chung của 4 cấp (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); nhằm tạo điều kiện giúp địa phương có căn cứ, cơ sở cập nhật, ban hành thực hiện đúng quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện kết nối Phần mềm một cửa liên thông hiện đại của tỉnh với Phần mềm quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành trong các lĩnh vực: Kế hoạch và đầu tư, đất đai, tư pháp, lao động thương binh và xã hội, y tế... để thực hiện tốt hơn trong việc báo cáo, theo dõi kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Tăng cường công tác đơn giản hóa chế độ thông tin báo cáo định kỳ, chuyên ngành thông qua việc áp dụng trên hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, báo cáo; đồng thời tổng hợp, lồng ghép chung các nội dung cần báo cáo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin góp phần đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giấy tờ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ ngành Trung ương, cho phép đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả qua dịch vụ bưu

chính công ích, dịch vụ công trực tuyến; tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện thủ tục hành chính.

2. Bộ Tư pháp:

Đôn đốc các Bộ, ngành kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Luật, Nghị định. Theo đó, xác định rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho địa phương trong các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo điều kiện cho địa phương khi triển khai thực hiện theo hướng: Giao thẩm quyền cho địa phương căn cứ điều kiện thực tế được phép xây dựng quy định cụ thể để thực hiện hoặc quy định cụ thể chi tiết nội dung thực hiện tại văn bản hướng dẫn để địa phương thực hiện thống nhất

3. Văn phòng Chính phủ:

Đối với việc thực hiện 4 tại chỗ, chưa hướng dẫn thực hiện con dấu thứ 2 và ủy quyền ký duyệt, đề nghị Văn phòng Chính phủ có hướng dẫn cụ thể để địa phương triển khai thực hiện.

4. Bộ Tài chính:

- Tham mưu Thủ Tướng Chính Phủ ban hành Nghị định hướng dẫn chuyển đơn vị sự nghiệp công lập (đối tượng không thuộc Quyết định số 22/QĐ-TTg) thành công ty cổ phần.

- Ban hành hướng dẫn quy trình, các bước xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng đơn giá ở địa phương; ban hành hướng dẫn xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; Cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ.

Trên đây là báo cáo kết quả cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 – 2020 và đề xuất phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Văn phòng Chính phủ (Cục kiểm soát TTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cục thuế; Cục Hải quan, Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện và thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Sở Nội vụ (02 bản).

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

Phụ lục 1

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành						
	- Văn bản của Tỉnh/Thành ủy	86	90	126	98	86	47
	- Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	4	5	5	5	7	1
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	34	32	35	30	27	3
3	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	1	1	1	1	1	
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	12	12	11	12	12	1
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	2	2	3	7	9	
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	1	1	1	1	1	1
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	Tờ rơi, băng rôn	Tờ rơi, băng rôn	Tờ rơi, tờ xếp, poster hướng dẫn, video	Tờ rơi, tờ xếp, poster hướng dẫn, video	Tờ rơi, tờ xếp, poster hướng dẫn, video	Tờ rơi hướng dẫn, video
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	3	3	5	8	7	
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành	1	1	1	1	1	
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện	1	1	1	1	1	
	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	1	1	1	1	1	
	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan	0	0	1	1	1	

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	ngành dọc tại địa phương						
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát	2	5	17	31	31	
-	Số lượng mẫu đã khảo sát	789	1190	2.305	6.847	15.851	
-	Mức độ hài lòng chung	62%	73%	82%	87%	92%	

Phụ lục 2

Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của tỉnh

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tháng 3/2020
1	Tổng số VB QPPL chủ trì soạn thảo đã được ban hành		1399	1071	773	670	228	13
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của HĐND tỉnh	24	31	42	22	23	0
		Quyết định của UBND tỉnh	60	78	51	59	49	11
		Nghị quyết của HĐND huyện	102	65	72	62	19	0
		Quyết định của UBND huyện	37	83	49	11	18	2
		Nghị quyết của HĐND xã	1103	761	544	503	118	0
		Quyết định của UBND xã	73	53	15	13	1	0
2	Số VB QPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát		484	217	287	259	136	21
3	Số VB QPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát		484	217	287	259	136	21
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền		1206	863	613	567	165	2
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền		8	5	28	3	0	0
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý		8	5	28	3	0	0
7	VB không phải là QPPL nhưng có		15	0	25	0	0	0

	chứa QPPL						
--	-----------	--	--	--	--	--	--

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của tỉnh

Stt	Nhiệm vụ/tiêu chí	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số TTHC của cơ quan, đơn vị	1.295	1.756	1.689	1.846	1.986	1.718
-	Số lượng TTHC cấp tỉnh	974	1.331	1.348	1.465	1.542	1.393
-	Số lượng TTHC cấp huyện	212	303	244	261	321	246
-	Số lượng TTHC cấp xã	109	128	97	120	123	79
-	Số TTHC do tỉnh ban hành (được giao trong Luật)	0	0	0	0	0	0
2	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của cơ quan đơn vị, như: giảm thời gian giải quyết, thành phần hồ sơ...)	53	23	22	10	46	
3	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang Thông tin điện tử	1.295	1.756	1.689	1.846	1.986	1.718
4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1.295	1.756	1.689	1.846	1.986	1.718
-	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành	974	1.331	1.348	1.465	1.542	1.393
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	212	244	244	261	321	246
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	109	97	97	120	123	79

-	Số lượng TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp	41	60	60	60	10 lĩnh vực	10 lĩnh vực
-	Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	10	43	43	43	12 lĩnh vực	12 lĩnh vực
-	Số TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ	0	0	0	0	0	0
5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	98,9	82,84	83,79	92,04	96,26	86,79
-	Các sở, ban, ngành báo cáo tỷ lệ hồ sơ TTHC của các sở, ngành giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	99,13	98,48	87,16	91,7	70,06	82,61
-	UBND các huyện, thành phố báo cáo tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	96,83	97,76	90,05	88,59	81,8	87,4
-	UBND các huyện, thành phố báo cáo tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	99,14	97,83	78,04	95,54	98,16	
6	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	15	14	86	17	02 (VPCP chuyên) + 2.1314 (tổng đài 1022)	03 (VPCP chuyên) + 6.737 (tổng đài 1022)
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	15	14	86	17	21316	6740
-	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	15	14	86	17	21316	6740
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng/Trang TTĐT	15	14	86	17	21316	6740

Phụ lục 4
Thống kê và so sánh số lượng tổ chức thuộc tỉnh
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)

I. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Giai đoạn	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Số Chi cục thuộc Sở	Số phòng, văn phòng, thanh tra thuộc Sở	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh	Ghi chú
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	20	17	192	6	
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	21	13	153	8	

II. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	11	130	22	805	
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	11	130	22	752	

III. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập phân theo các lĩnh vực

Giai đoạn	Sự nghiệp GD-ĐT			Sự nghiệp y tế			Sự nghiệp VH, TDTT			Sự nghiệp khác		
	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQCM cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQCM cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	1	66	678		22			9	33	5	58	94
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	1	51	686		24		1	9	11	6	32	55

Phụ lục 5

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức						
-	Tổng số được giao	3.566	3.566	3.492	3.464	3.258	3.189
-	Tổng số có mặt	3.456	3.437	3.396	3.201	3.128	2.975
2.	Tổng số biên chế viên chức						
-	Tổng số được giao	41.504	41.504	44.520	44.520	41.526	41.409
-	Tổng số có mặt	41.504	41.504	44.520	41.526	41.409	38.661
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh	58	0	115	0	155	0
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh	0	0	0	0	0	0
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế	12	86	56	40	59	48
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	5723	8604	14622	13097	12961	
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	2453	3331	10956	17433	15543	

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	68	91	170	180	167	

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ	21	21	21	22	22	22
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ	941	941	939	937	890	888
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	0	1	1	1
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	68	68	67	68	57	55
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	240	240	230	238	262	262
-	Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	633	633	642	630	570	570
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ	175	175	173	171	136	134
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	0	1	1	1
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	27	27	26	31	25	23
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	35	35	35	43	40	40
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ	766	766	766	766	754	754
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	0	0	0	0
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	32	32	32	32	32	32
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	205	205	195	195	222	222

5	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ	5	5	5	5	5	3
---	---	---	---	---	---	---	---

Phụ lục 7
Thống kê chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Tỉnh Đồng Nai					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử	70%	80%	85%	90%	95%	95%
2	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	31/31	31/31
3	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	4.642	1.814
4	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	4.468	1.755
5	Số lượng chữ ký số	1.023	658	692	957	1.087	196
6	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử	90%	95%	100%	100%	100%	100%
7	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	31	31	31	31	31	31
8	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	31	31	31	31	31	31
9	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin điện tử	31	31	31	31	31	31

10	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	0	0	573	275	323	323
11	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	0	0	12,3%	17,8%	11,5%	37,5%
12	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử	200/200	200/200	183/183	183/183	182/182	182/182
13	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử			100%	100%	100%	100%
14	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có bản Công bố ISO	30	30	30	31	31	32

Phụ lục 9

**Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước
của tỉnh giai đoạn 2011-2020**

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước.	Đạt
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020.	Đạt
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.	Đạt
4.	Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.	Đạt
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020.	Đạt
6.	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020.	Đạt
7.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.	Đạt
8.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi	Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.	
9.	Các trang tin, cổng thông tin điện tử hoàn thành việc kết nối với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet.	Đạt
10.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan.	Không đạt
11.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng bộ, ngành đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	Không đạt
12.	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 50% Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	Không đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
13.	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt
14.	Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.	Không đạt
15.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	Đạt
16.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Đạt